TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 260/2025/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNHCÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNVÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 301/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2025, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số B Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Trần Thị Thùy V, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú và cư trú: Số C P, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà V tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 20/05/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau.

Nay ông T, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 05/02/2017. Ông T và bà V thỏa thuận giao cháu M cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Trung cấp D nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng kể từ tháng 03/2025 đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3]. Về tài sản chung, về nợ chung: Ông T và bà V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí việc dân sự: Ông T và bà V mỗi người phải chịu lệ phí theo quy định.

[5]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 03 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Thùy V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 05/02/2017 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Trung cấp D nuôi con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) kể từ tháng 03/2025 đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trợ. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông T và bà V mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông T và bà V đã nộp tại biên lai thu số 0005910 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Tuấn